

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4645 /BVHTTDL-NTBD

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2019

| | |
|-------------------------------|-------------------|
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN | |
| C.V ĐẾN | Số: 3296 |
| | Ngày: 20/11/2019 |
| | Chuyên: Văn phòng |
| | Lưu hồ sơ: |

Kính gửi:

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016 và ý kiến Chính phủ đồng ý xây dựng Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại Công văn số 701/VPCP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Để có cơ sở trình Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu và đóng góp ý kiến bằng văn bản cho dự thảo Nghị định (gửi kèm theo).

Ý kiến góp ý xin gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Nghệ thuật biểu diễn, số 32 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội) **trước ngày 20 tháng 12 năm 2019** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đồng thời gửi bản điện tử đến địa chỉ: nghidinhnghethuatbieudien@gmail.com.

Nếu sau thời hạn nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không nhận được văn bản góp ý của quý Cơ quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiểu rằng quý cơ quan nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, NTBD, MVD.270

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Ký bởi: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
Email: bovanhoathethaodulich@chinhphu.vn
Cơ quan: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
Ngày ký: 20-11-2019 14:15:45 +07:00

Tạ Quang Đông

H/C

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4645 /BVHTTDL-NTBD

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2019

Kính gửi:... Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.....

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016 và ý kiến Chính phủ đồng ý xây dựng Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại Công văn số 701/VPCP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Để có cơ sở trình Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu và đóng góp ý kiến bằng văn bản cho dự thảo Nghị định (gửi kèm theo).

Ý kiến góp ý xin gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Nghệ thuật biểu diễn, số 32 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội) **trước ngày 20 tháng 12 năm 2019** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đồng thời gửi bản điện tử đến địa chỉ: ngghidinnghethuatbieudien@gmail.com.

Nếu sau thời hạn nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không nhận được văn bản góp ý của quý Cơ quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiểu rằng quý cơ quan nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

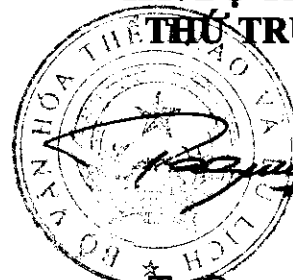
Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, NTBD, MVD.270

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Tạ Quang Đông

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Phương án 1:

“... là hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra những tác phẩm nghệ thuật, sản phẩm âm thanh, hình ảnh dưới các hình thức và định dạng khác nhau để truyền đạt đến công chúng”.

Phương án 2:

“... là quá trình tạo ra tác phẩm nghệ thuật thông qua biểu diễn nghệ thuật hoặc định hình sản phẩm âm thanh, hình ảnh dưới dạng bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật”.

Phương án 3:

“... là hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra những tác phẩm nghệ thuật để truyền đạt đến công chúng bằng hình thức biểu diễn nghệ thuật hoặc định hình sản phẩm âm thanh, hình ảnh dưới dạng bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.”

2. *Biểu diễn nghệ thuật* là hoạt động thể hiện trực tiếp loại hình nghệ thuật biểu diễn hoặc các loại hình trình diễn khác trong một không gian dưới các hình thức khác nhau của một cá nhân, tổ chức hoặc tổ hợp công nghệ trực tiếp trước công chúng hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật, truyền thông khác nhau.

3. *Loại hình nghệ thuật biểu diễn*

Phương án 1:

“Chèo, tuồng, cải lương, múa rối, kịch dân ca, kịch nhạc kinh điển, nhạc kịch, giao hưởng, múa cổ điển, kịch nói, kịch hát, kịch múa, kịch hình thể, thanh nhạc, múa, âm nhạc, xiếc, ngâm thơ, tấu hài, tạp kỹ, các hình thức diễn xướng dân gian và các hình thức sáng tạo nghệ thuật khác từ truyền thống đến hiện đại của Việt Nam và thế giới.”

Phương án 2:

“Sân khấu, âm nhạc, múa, các hình thức diễn xướng dân gian và những hình thức sáng tạo nghệ thuật từ truyền thống đến hiện đại của Việt Nam và thế giới.”

4. *Loại hình trình diễn khác* là hoạt động trình diễn có sự lồng ghép, phối hợp giữa một hay nhiều loại hình nghệ thuật biểu diễn với mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, thể dục, thể thao, trò chơi dân gian và hiện đại, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật ứng dụng cùng kỹ thuật âm thanh, ánh sáng sân khấu hoặc tổ hợp công nghệ sáng tạo.

5. *Lưu hành bản ghi âm, ghi hình* là hoạt động đưa sản phẩm âm thanh, hình ảnh được sản xuất, nhập khẩu dưới các định dạng khác nhau để sử dụng hoặc tham gia giao dịch dân sự, kinh doanh thương mại.

6. *Người điều hành trực tiếp hoạt động biểu diễn nghệ thuật* là một trong những người sau: Đạo diễn sân khấu, chỉ huy âm nhạc, biên đạo múa thực hiện chỉ đạo và chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức biểu diễn tiết mục, chương trình biểu diễn nghệ thuật.

7. *Người điều hành trực tiếp tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu* là trưởng ban tổ chức xây dựng đề án, kế hoạch và chịu trách nhiệm đối với các hoạt động trong phạm vi cuộc thi người đẹp, người mẫu; không đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

8. *Thi người đẹp, người mẫu* là hoạt động giải trí nhằm tuyển chọn, phân định thứ bậc và trao giải thưởng cho thí sinh thông qua các hình thức trình diễn, ứng xử theo các tiêu chí do ban tổ chức cuộc thi quy định.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển sự nghiệp nghệ thuật biểu diễn.

2. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý nhà nước về nghệ thuật biểu diễn.

3. Quản lý hợp tác quốc tế về nghệ thuật biểu diễn.

4. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu.

5. Thực hiện công tác khen thưởng đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, tổ chức liên hoan, cuộc thi loại hình nghệ thuật biểu diễn.

6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về nghệ thuật biểu diễn.

Điều 4. Điều kiện đối với chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật; bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Các chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình không có một trong các nội dung sau:

a) Chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Xuyên tạc lịch sử, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, xúc phạm vĩ nhân, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

c) Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại;

d) Sử dụng trang phục, từ ngữ, âm thanh, hình ảnh, động tác, hình thức biểu diễn, phương tiện biểu đạt hành vi tệ nạn xã hội, dâm ô, đồi trụy, tội ác, không phù hợp với mục đích, nội dung, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc tác động tiêu cực đến đạo đức, tâm lý xã hội.

2. Các chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình sử dụng tác phẩm nghệ thuật biểu diễn không thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp;

b) Bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu;

c) Không phù hợp chủ đề, nội dung chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình.

3. Địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật phải bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

Điều 5. Quyền của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn

1. Quyền của tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; tổ chức thi người đẹp, người mẫu:

a) Lựa chọn loại hình, bộ môn nghệ thuật hoặc loại hình trình diễn phù hợp khả năng và điều kiện để hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

b) Tham gia cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn khi đáp ứng đủ điều kiện theo tiêu chí của mỗi cuộc thi, liên hoan;

c) Tham gia, tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, cuộc thi người đẹp, người mẫu; được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

đ) Tuyển chọn, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

e) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ hoạt động nghệ thuật biểu diễn và hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu.

2. Quyền của người biểu diễn nghệ thuật; thí sinh thi người đẹp, người mẫu:

a) Lựa chọn loại hình, bộ môn nghệ thuật hoặc loại hình trình diễn phù hợp khả năng và điều kiện để hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

b) Tham gia cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu khi đáp ứng đủ điều kiện theo tiêu chí của mỗi cuộc thi, liên hoan;

c) Có các quyền nhân thân và các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn và hoạt động tham gia cuộc thi người đẹp, người mẫu.

3. Quyền của chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật:

a) Lựa chọn loại hình nghệ thuật biểu diễn phù hợp khả năng và điều kiện để khai thác, sử dụng;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thuê, sử dụng địa điểm giải trình hoặc ra quyết định tạm dừng, dừng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi phát hiện có dấu hiệu lợi dụng hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật để che giấu vi phạm pháp luật;

c) Từ chối, dừng hoặc chuyển đổi thời gian biểu diễn mà không phải đền bù thiệt hại vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch họa hoặc tình trạng khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Quyền của tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật:

a) Lựa chọn, biên tập nội dung, dàn dựng tác phẩm biểu diễn nghệ thuật để sản xuất, nhập khẩu, lưu hành bản ghi âm, ghi hình nhằm mục đích kinh doanh hoặc mục đích khác không trái với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Hưởng các quyền lợi vật chất khác khi tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu:

a) Phải đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu theo quy định tại Nghị định này;

b) Không cho người khác sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu để thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này;

c) Đáp ứng các điều kiện quản lý và quy định pháp luật liên quan để tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu;

d) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu đúng với nội dung đã đăng ký, quảng cáo và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

đ) Thông báo, đăng ký nội dung hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu đến cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa tại địa phương nơi tổ chức;

e) Thực hiện đúng quy định của pháp luật nước sở tại đối với trường hợp ra nước ngoài tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu;

g) Trao giải thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải sau khi công bố kết quả cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn, cuộc thi người đẹp, người mẫu;

h) Thu hồi danh hiệu, giải thưởng trao cho tổ chức, cá nhân đạt giải cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn, cuộc thi người đẹp, người mẫu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật và quy chế tổ chức cuộc thi;

i) Biên tập, chỉ đạo, dàn dựng các chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật phù hợp với truyền thống, văn hóa địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số; phù hợp với lứa tuổi, giới tính và phải được sự đồng ý của người giám hộ theo quy định của pháp luật khi tổ chức cho trẻ em;

k) Không tổ chức biểu diễn nghệ thuật cho người đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ biểu diễn hoặc thí sinh sử dụng danh hiệu đã bị thu hồi, danh hiệu đạt được do tham dự trái phép;

l) Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật; tổ chức thi người đẹp, người mẫu phải bảo lãnh nhập cảnh cho người biểu diễn, thí sinh không có quốc tịch Việt Nam tham gia theo hình thức làm việc hoặc lao động;

m) Không lợi dụng hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thi người đẹp, người mẫu để đưa các cá nhân xuất cảnh, nhập cảnh hoặc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trái quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của người biểu diễn nghệ thuật, thí sinh thi người đẹp, người mẫu:

a) Không sử dụng danh hiệu, hình ảnh cá nhân để tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật hoặc gây phương hại đến uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân khác;

b) Tham gia biểu diễn nghệ thuật phục vụ chính trị và các hoạt động xã hội khác khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

c) Chấp hành quy định của pháp luật nước sở tại đối với cá nhân là người Việt Nam tham gia biểu diễn nghệ thuật; tham dự cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn, cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài;

d) Cá nhân là người không có quốc tịch Việt Nam biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam phát sinh thu nhập phải được đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật quy định tại Điều 7 Nghị định này bảo lãnh nhập cảnh theo hình thức làm việc hoặc lao động.

3. Trách nhiệm của chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật:

a) Từ chối hoạt động vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Không được phát hành vé quá số ghế hoặc quá sức chứa của địa điểm;

c) Bảo đảm âm thanh, ánh sáng và các hiệu ứng kỹ thuật khác không làm ảnh hưởng tới môi trường, đời sống và sinh hoạt của dân cư xung quanh địa điểm tổ chức;

d) Bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ theo quy định;

đ) Không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn cho con người hoặc gây thiệt hại về tài sản và môi trường trong phạm vi địa điểm tổ chức;

e) Phải có nội quy, quy định niêm yết tại địa điểm tổ chức;

g) Không tổ chức biểu diễn nghệ thuật gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau;

h) Dừng, thay đổi thời gian hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật:

a) Thực hiện nộp lưu chiểu theo quy định tại Nghị định này và lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật đúng với nội dung đã nộp lưu chiểu;

b) Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung nghệ thuật biểu diễn phải phù hợp với truyền thống văn hóa, đồng bào dân tộc thiểu số; lứa tuổi, giới tính trẻ em;

c) Không sản xuất, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung nghệ thuật biểu diễn đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ lưu hành hoặc xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Cung cấp thông tin về nội dung bản ghi âm, ghi hình khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

5. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn phải tuân thủ quy định tại Điều 4 Nghị định này và thực hiện nộp thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sử dụng tên, chủ đề của chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật; bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Các tổ chức, cá nhân có quyền chọn tên, chủ đề của chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật; bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và cuộc thi người đẹp, người mẫu không vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp tên, chủ đề của chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật; bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và cuộc thi người đẹp, người mẫu sử dụng từ ngữ để quảng bá chất lượng của sản phẩm, dịch vụ hoặc danh hiệu và uy tín của tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tên ngành, lĩnh vực thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền trong chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật; bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và cuộc thi người đẹp, người mẫu phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Có bằng chứng chứng minh chất lượng của sản phẩm, dịch vụ;

b) Có bằng chứng chứng minh uy tín, danh hiệu của tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Có văn bản chấp thuận khi sử dụng tên ngành, lĩnh vực thuộc quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Điều 8. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức có chức năng hoạt động nghệ thuật biểu diễn được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp hoạt động theo quyết định, kế hoạch được giao.

2. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 9. Điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật

1. Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành, nghề hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí là ngành, nghề kinh doanh chính.

2. Người điều hành trực tiếp hoạt động biểu diễn nghệ thuật phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp đại học ngành nghệ thuật biểu diễn;

b) Được phong tặng danh hiệu Nhà nước về văn học, nghệ thuật theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật.

2. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cục Nghệ thuật biểu diễn. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao văn bản chứng nhận tốt nghiệp đại học ngành nghệ thuật biểu diễn của người điều hành trực tiếp hoạt động biểu diễn nghệ thuật hoặc hình thức chứng minh danh hiệu Nhà nước về văn học, nghệ thuật.

3. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Nghệ thuật biểu diễn phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này đến Cục Nghệ thuật biểu diễn để cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b) Thay đổi người điều hành trực tiếp hoạt động biểu diễn nghệ thuật;
- c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật bị mất, hỏng hoặc rách.

2. Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi hoặc phát hiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật bị mất, hỏng hoặc rách.

3. Cục Nghệ thuật biểu diễn có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật mới trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản cho Doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 12. Yêu cầu tạm dừng hoạt động kinh doanh để khắc phục vi phạm

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn yêu cầu tạm dừng kinh doanh bằng văn bản khi doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- b) Vi phạm về trách nhiệm khi hoạt động kinh doanh biểu diễn nghệ thuật quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 6 Nghị định này;
- c) Người biểu diễn nghệ thuật trong chương trình do doanh nghiệp tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Nghị định này;
- d) Là một bên trong tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết.

2. Văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh phải nêu rõ hành vi vi phạm, thời điểm và thời hạn tạm dừng. Việc xác định thời hạn tạm dừng căn cứ vào mức độ vi phạm, thời hạn khắc phục do Cục Nghệ thuật biểu diễn quyết định. Thời hạn tạm dừng không quá 03 tháng.

3. Doanh nghiệp phải dừng kinh doanh theo yêu cầu và khắc phục vi phạm.

Điều 13. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị định này;
- b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật;

c) Không tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu sau thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Cục Nghệ thuật biểu diễn;

d) Hết thời hạn tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu của Cục Nghệ thuật biểu diễn mà không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ các vi phạm;

đ) Sau khi kết thúc thời hạn tạm dừng kinh doanh mà tái phạm hành vi vi phạm đã nêu tại văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh;

e) Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính từ hai lần trở lên trong một năm;

g) Doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền thu hồi:

Cục Nghệ thuật biểu diễn là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), Doanh nghiệp phải dừng hoạt động kinh doanh biểu diễn nghệ thuật, khắc phục vi phạm và nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật cho Cục Nghệ thuật biểu diễn.

Điều 14. Đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam

1. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 1 Điều 8 khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích kinh doanh, không theo quyết định, kế hoạch được giao và đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này phải thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này để tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

2. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tại địa phương nơi tổ chức. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Thông tin đầy đủ về tên chương trình, nội dung các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, tác giả, người biểu diễn, trình diễn; trường hợp nội dung có từ ngữ nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch theo quy định pháp luật về chứng thực;

c) Bản sao có chứng thực thị thực còn giá trị sử dụng, phù hợp mục đích nhập cảnh để tham gia biểu diễn nghệ thuật đối với người biểu diễn không có quốc tịch Việt Nam trong chương trình;

d) Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm tổ chức trong trường hợp đơn vị tổ chức không đồng thời là chủ địa điểm.

3. Thời hạn đăng ký tính theo ngày nhận được ghi trên vận đơn bưu chính hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua bưu chính; theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp; theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

4. Trình tự, thủ tục:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ, xác nhận bằng văn bản (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật chỉ được thực hiện sau khi có văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật có trách nhiệm tổ chức duyệt chương trình khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Yêu cầu duyệt chương trình phải được căn cứ dựa trên các cơ sở sau:

a) Chương trình biểu diễn nghệ thuật chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung hoặc được tổ chức lần đầu;

b) Chương trình biểu diễn nghệ thuật đã được tổ chức thực hiện nhưng có tác phẩm, tiết mục, người biểu diễn mới;

c) Chương trình biểu diễn nghệ thuật được tổ chức lại sau khi doanh nghiệp bị tạm dừng hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 12 Nghị định này được hoạt động kinh doanh trở lại hoặc chương trình bị tạm dừng tổ chức theo quy định tại Điều 15 Nghị định này được tiếp tục tổ chức.

7. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc thành lập Hội đồng nghệ thuật để duyệt chương trình quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 15. Tạm dừng hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Khi phát hiện đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật chưa đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Nghị định này, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tạm dừng hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do tạm dừng, yêu cầu khắc phục hậu quả (nếu có) và đề nghị đề xuất phương án nếu tiếp tục hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

2. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật phải dừng hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật ngay khi nhận được văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du

lich hoặc Sở Văn hóa và Thể thao; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định.

3. Kết quả xem xét, quyết định của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật biết để thực hiện. Thời hạn gửi văn bản cho đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật là 03 ngày, kể từ ngày Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nhận được văn bản đề xuất phương án tiếp tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

Điều 16. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật của các cơ quan, tổ chức có chức năng biểu diễn nghệ thuật được thành lập và hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật của các cơ quan, tổ chức sau do người đứng đầu chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định của cơ quan chủ quản:

- a) Các đơn vị sự nghiệp công lập về nghệ thuật;
- b) Các đơn vị nghệ thuật, đoàn văn công thuộc lực lượng vũ trang;
- c) Cơ quan báo chí;
- d) Tổ chức có chức năng hoạt động nghệ thuật biểu diễn khác được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

2. Trường hợp tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích kinh doanh, không theo quyết định, kế hoạch được giao thì thực hiện theo quy định tại Điều 14 nghị định này.

Điều 17. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật của cơ sở văn hóa nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

1. Việc tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại trụ sở của cơ sở văn hóa nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan và không vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Trường hợp tổ chức biểu diễn nghệ thuật ngoài trụ sở của cơ sở văn hóa nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc tổ chức biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích kinh doanh phải phối hợp với đối tượng quy định tại Điều 8 để thực hiện quy định tại Điều 14 nghị định này.

Điều 18. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại khu dân cư hoặc trụ sở các tổ chức, cơ sở kinh doanh

1. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khu dân cư nhằm mục đích phục vụ nội bộ hoặc tại trụ sở tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cơ sở do người đứng đầu tổ chức, khu dân cư chịu trách nhiệm và thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương.

2. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật ngoài trụ sở tổ chức hoặc tại các cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, nhà hàng ăn uống, giải khát phải thông báo bằng văn bản đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tại địa phương nơi tổ chức muộn nhất 05 ngày làm việc, trước ngày tổ chức biểu diễn (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật phù hợp tình hình địa phương và thực hiện kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật trụ sở tổ chức, khu dân cư hoặc tại các cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, nhà hàng ăn uống, giải khát trong phạm vi địa phương.

Điều 19. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật trực tuyến trên các hạ tầng cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực thông tin điện tử

1. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật được truyền tải trực tiếp cho khán giả trên các hạ tầng cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực thông tin điện tử nhằm mục đích kinh doanh, có phát sinh lợi nhuận hoặc các quyền lợi vật chất khác phải cung cấp số và ngày cấp văn bản xác nhận đăng ký tổ chức biểu diễn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân truyền tải trực tiếp cho khán giả chương trình biểu diễn nghệ thuật trên các hạ tầng cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực thông tin điện tử phải được sự đồng ý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan và tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

Điều 20. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài

1. Đối với tổ chức có chức năng hoạt động nghệ thuật biểu diễn quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này, khi ra nước ngoài tổ chức biểu diễn nghệ thuật thì thực hiện theo quyết định của cơ quan chủ quản.

2. Đối với Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này và cá nhân ra nước ngoài tổ chức biểu diễn nghệ thuật tuân thủ quy định tại Điều 4 Nghị định này và thực hiện quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

Điều 21. Tạm nhập, tái xuất hàng hóa trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam; tạm xuất, tái nhập hàng hóa trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài

Việc tạm nhập, tái xuất hàng hóa trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam; tạm xuất, tái nhập hàng hóa trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Tổ chức các cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn

Việc tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn thực hiện theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương III

THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

Điều 23. Quy mô, số lượng cuộc thi người đẹp, người mẫu

Phương án 1:

1. Đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm để xem xét, quyết định nhưng mỗi năm không quá 02 cuộc.

2. Đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu toàn quốc, người đẹp, người mẫu cấp tỉnh, vùng, ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức vòng Chung kết xem xét, quyết định nhưng mỗi năm không quá 01 cuộc tại địa phương.

Phương án 2:

1. Đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm để xem xét, quyết định nhưng mỗi năm không quá 02 cuộc.

2. Đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu toàn quốc, người đẹp, người mẫu cấp tỉnh, vùng, ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức vòng Chung kết xem xét, quyết định nhưng mỗi năm không quá 04 cuộc tại địa phương.

Phương án 3:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết số lượng cuộc thi người đẹp, người mẫu được tổ chức mỗi năm và tiêu chí, điều kiện xác định quy mô cuộc thi người đẹp, người mẫu tổ chức tại Việt Nam.

Điều 24. Đối tượng tổ chức thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Tổ chức được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp phải phối hợp với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức nước ngoài phải phối hợp với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành, nghề hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí là ngành, nghề kinh doanh chính.

2. Người điều hành trực tiếp tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu phải tốt nghiệp đại học ngành nghệ thuật biểu diễn.

Điều 26. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu.

2. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cục Nghệ thuật biểu diễn. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao văn bản chứng nhận tốt nghiệp đại học ngành nghệ thuật biểu diễn của người điều hành trực tiếp tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

3. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Nghệ thuật biểu diễn phải có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 27. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này đến Cục Nghệ thuật biểu diễn để cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Thay đổi người điều hành trực tiếp tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu bị mất, hỏng hoặc rách.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi hoặc phát hiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu bị mất, hỏng hoặc rách.

3. Cục Nghệ thuật biểu diễn có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu mới trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn. Trường hợp từ chối thì

phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 28. Yêu cầu tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu để khắc phục vi phạm

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn yêu cầu tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu bằng văn bản khi doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điều 25 Nghị định này;

b) Vi phạm về trách nhiệm khi tổ chức thi người đẹp, người mẫu quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 6 Nghị định này;

c) Thí sinh trong cuộc thi người đẹp, người mẫu do doanh nghiệp tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

d) Là một bên trong tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết.

2. Văn bản yêu cầu tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu phải nêu rõ hành vi vi phạm, thời điểm và thời hạn tạm dừng. Việc xác định thời hạn tạm dừng căn cứ vào mức độ vi phạm, thời hạn khắc phục do Cục Nghệ thuật biểu diễn quyết định. Thời hạn tạm dừng không quá 03 tháng.

3. Doanh nghiệp phải dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu theo yêu cầu và khắc phục vi phạm.

Điều 29. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu;

c) Không tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu theo yêu cầu sau thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Cục Nghệ thuật biểu diễn;

d) Hết thời hạn tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu theo yêu cầu của Cục Nghệ thuật biểu diễn mà không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ các vi phạm;

đ) Sau khi kết thúc thời hạn tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu mà tái phạm hành vi vi phạm đã nêu tại văn bản yêu cầu tạm dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu;

e) Sau 02 lần được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận địa điểm tổ chức cuộc thi mà đơn vị tổ chức không tiến hành tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu;

g) Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính từ hai lần trở lên trong một năm;

h) Doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền thu hồi:

Cục Nghệ thuật biểu diễn là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Nghệ thuật biểu diễn.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), doanh nghiệp phải dừng hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu, khắc phục vi phạm và nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu cho Cục Nghệ thuật biểu diễn.

Điều 30. Tổ chức thi người đẹp, người mẫu

1. Đối tượng tổ chức thi người đẹp, người mẫu quy định tại Điều 24 Nghị định này phải thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối tượng tổ chức thi người đẹp, người mẫu gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tại địa phương nơi tổ chức. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đề án tổ chức cuộc thi (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

c) Văn bản chấp thuận thời gian, địa điểm đăng cai tổ chức vòng chung kết cuộc thi của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế;

d) Bản sao chứng thực hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận về việc sử dụng, khai thác bản quyền giữa tổ chức Việt Nam với tổ chức nước ngoài có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật, đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam;

đ) Văn bản chấp thuận chủ trương của Bộ chủ quản về tên gọi, mục đích, ý nghĩa đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quy mô ngành, lĩnh vực.

3. Thời hạn đăng ký tính theo ngày nhận được ghi trên vận đơn bưu chính hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua bưu chính; theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp; theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến sớm nhất 365 ngày và chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày tổ chức chương trình Chung kết trao danh hiệu, giải thưởng cuộc thi người đẹp, người mẫu.

4. Trình tự, thủ tục:

a) Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định phải có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (đối với cuộc thi trong nước) và 30 ngày (đối với cuộc thi quốc tế tổ chức tại Việt Nam), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ, ra văn bản chấp thuận (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cuộc thi người đẹp, người mẫu chỉ được tổ chức sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Điều 31. Điều kiện đối với thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu trong nước và quốc tế

1. Đối với thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu trong nước:

a) Là công dân Việt Nam có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Đáp ứng các tiêu chí của cuộc thi do ban tổ chức cuộc thi quy định;

c) Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án, thời gian chấp hành kỷ luật dưới tất cả các hình thức.

2. Đối với thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế:

a) Có giấy mời của ban tổ chức cuộc thi;

b) Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Xác nhận đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế

1. Cá nhân đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tại địa phương nơi sinh sống hoặc làm việc. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đăng ký dự thi của thí sinh (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Sơ yếu lý lịch của thí sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận;

c) Bản sao giấy mời tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế của tổ chức nước ngoài.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ, ra văn bản xác nhận đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương IV

LƯU HÀNH BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH CÓ NỘI DUNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Điều 33. Đối tượng kinh doanh bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức có chức năng hoạt động nghệ thuật biểu diễn được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp sản xuất hoặc nhập khẩu để lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích kinh doanh.

2. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật sản xuất hoặc nhập khẩu để lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích kinh doanh.

Điều 34. Điều kiện bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được sản xuất hoặc nhập khẩu để lưu hành nhằm mục đích kinh doanh

1. Nội dung bản ghi âm, ghi hình không vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Bản ghi âm, ghi hình phải được nộp lưu chiểu theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

3. Bản ghi âm, ghi hình phải cung cấp đầy đủ các thông tin sau:

a) Tên chương trình; tên tác phẩm, tác giả âm nhạc hoặc sân khấu; tên người biểu diễn nghệ thuật;

b) Họ tên đạo diễn, diễn viên, người thu âm thanh, thu hình ảnh và người hiệu chỉnh bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

c) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu; họ tên người đại diện theo pháp luật của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

Điều 35. Nộp lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật phải nộp lưu chiểu chậm nhất 10 ngày, trước khi lưu hành theo quy định sau:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định này thuộc Trung ương nộp 03 bản cho Cục Nghệ thuật biểu diễn;

b) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 thuộc địa phương và đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này nộp 03 bản cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi thành lập hoặc đóng trụ sở;

c) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp tờ khai lưu chiểu;

2. Đối tượng quy định tại Điều 33 Nghị định này gửi hồ sơ nộp lưu chiểu đến Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

a) Tờ khai đăng ký lưu chiểu (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

c) Danh mục nội dung thông tin quy định tại Điều 34 Nghị định này;

d) Bản nhạc hoặc kịch bản văn học tác phẩm sân khấu; trường hợp nội dung có từ ngữ nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch theo quy định pháp luật về chứng thực.

3. Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp văn bản xác nhận đăng ký lưu chiểu (theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện lưu chiểu, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ quan nhận lưu chiểu

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm:

a) Kiểm tra bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được lưu chiểu và quyết định việc xử lý bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật vi phạm theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức kho lưu chiểu để thực hiện lưu giữ bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật lưu chiểu trong thời gian 24 tháng và thực hiện thanh lọc hoặc thanh lý sau khi hết thời gian lưu giữ.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc kiểm tra, thẩm định bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật lưu chiểu.

Điều 37. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên phát thanh, truyền hình do cơ quan phát thanh, truyền hình chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về báo chí.

2. Hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên các hạ tầng cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực thông tin điện tử nhằm mục đích kinh doanh, có phát sinh thu nhập, lợi nhuận hoặc các quyền lợi vật chất phải cung cấp số và ngày cấp văn bản xác nhận đăng ký lưu chiếu của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Điều 38. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 39. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thương mại và đầu tư.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Xây dựng, trình Chính phủ chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến nghệ thuật biểu diễn.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

5. Tổ chức cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

6. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, tôn vinh các nghệ sĩ, cá nhân, tập thể đạt thành tích, có đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật truyền thống, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn học, nghệ thuật chính đáng của nhân dân.

7. Quản lý, hướng dẫn, giám sát hoạt động nghệ thuật biểu diễn, tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên toàn quốc.

8. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

9. Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Phương án 1:

10. Quy định hướng dẫn chi tiết các mẫu văn bản thi hành Nghị định này.

Phương án 2:

Phụ lục của Nghị định quy định cụ thể các mẫu văn bản hướng dẫn.

Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn về phí thẩm định cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật, Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu; phí duyệt chương trình biểu diễn nghệ thuật của Hội đồng nghệ thuật; thù lao cho người kiểm tra, thẩm định bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật lưu chiếu.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công an trong việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên môi trường mạng.

3. Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Ngoại giao trong việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhập cảnh và xuất cảnh của các cá nhân hoạt động nghệ thuật biểu diễn và thi người đẹp, người mẫu.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Triển khai các biện pháp thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển sự nghiệp hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

3. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến nghệ thuật biểu diễn tại địa phương.

4. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các cuộc thi, liên hoan loại hình nghệ thuật biểu diễn.

5. Ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ và quy định chi tiết hoạt động phân cấp quản lý, giám sát đối với hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật và tổ chức vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu tại địa phương.

6. Báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương khi được yêu cầu.

7. Quản lý, hướng dẫn, giám sát hoạt động nghệ thuật biểu diễn, tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất hoạt động nghệ thuật biểu diễn trong phạm vi địa phương.

8. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động nghệ thuật biểu diễn theo thẩm quyền.

9. Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại địa phương, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật; Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được cấp theo quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Các cuộc thi người đẹp, người mẫu đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận đăng cai mà đêm Chung kết được tổ chức vào thời điểm sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngoại thương, trường hợp nhập nhẫu nhằm mục đích kinh doanh thực hiện thủ tục nộp lưu chiểu theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019

2. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Điều 6 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của

Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành./.

Số: /TTr - BVHTTDL
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016 và ý kiến Chính phủ đồng ý xây dựng Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn tại Công văn số 701/VPCP-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch dự thảo Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 79/2012/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 15/2016/NĐ-CP) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016. Trong 06 năm triển khai thực hiện hai văn bản trên, hoạt động nghệ thuật biểu diễn đã đạt được kết quả tích cực như tạo hành lang pháp lý cơ bản, góp phần đưa hoạt động nghệ thuật biểu diễn phát triển theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý Trung ương và địa phương; khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sáng tạo nghệ thuật, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân cũng như củng cố, phát huy bản sắc văn hóa nghệ thuật dân tộc; các quy định tại Nghị định là cơ sở để công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, đưa các hoạt động nghệ thuật biểu diễn từng bước đi vào nề nếp; các tổ chức, cá nhân ngày một nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình tổ chức, thực hiện các hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Tuy nhiên, đánh giá kết quả 06 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP còn một số hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực thi:

Một là, chưa có quy định cụ thể hướng dẫn Luật Đầu tư về điều kiện đối với ngành, nghề “kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu” và “kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu” dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp thực thi, vướng mắc cho cơ quan nhà nước quản lý các hoạt động của nền kinh tế thị trường và bất cập trong quá trình đàm phán, ký kết, tham gia điều ước quốc tế để mở rộng thị trường.

Hai là, còn chồng chéo về thẩm quyền giữa các cơ quan về cấp phép và kiểm tra chương trình biểu diễn nghệ thuật và chưa có hình thức quản lý cụ thể đối với đối tượng hoạt động nghệ thuật biểu diễn vi phạm pháp luật dẫn đến nhiều trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng nhưng không bị dừng hoạt động hoặc không bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hiệu quả.

Ba là, xuất hiện tình trạng chồng chéo về nội dung, hình thức và thẩm quyền quản lý giữa quy định cấp giấy phép cho cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài (người không có quốc tịch Việt Nam) với quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài và quy định của pháp luật về lao động.

Bốn là, chưa có quy định ràng buộc trách nhiệm phải thực hiện các quy định pháp luật về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành để đảm bảo an toàn cho khán giả và người liên quan; chưa có biện pháp ngăn chặn tình trạng lợi dụng chương trình biểu diễn nghệ thuật để tôn vinh, khen thưởng và trao danh hiệu cho các cá nhân, hàng hóa, dịch vụ.

Năm là, chưa có biện pháp hành chính để hạn chế tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Đặc biệt là tình trạng xâm phạm sự toàn vẹn của tác phẩm, sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Sáu là, chưa theo kịp xu hướng phát triển của ngành nghề kinh doanh dịch vụ tổ chức thi người đẹp, người mẫu; giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu được sử dụng để kêu gọi tài trợ; kinh doanh thu lợi từ các hoạt động truyền thông, quảng cáo, xây dựng hình ảnh đối với danh hiệu người đẹp, người mẫu...

Để hệ thống pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn phù hợp với thực tiễn, tạo khung pháp lý phù hợp với yêu cầu phát triển và nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thời gian tới, việc xây dựng Nghị định mới quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn là cần thiết.

Nghị định mới được thực hiện trên cơ sở kế thừa những quy định phù hợp tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp với thực tiễn quản lý. Để đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra của cơ quan

quản lý phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các tổ chức, cá nhân thuận tiện trong quá trình áp dụng, thực thi pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thể thao và Du lịch báo cáo Chính phủ cho phép ban hành Nghị định mới thay thế 02 Nghị định trên.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Mục tiêu tổng quát của xây dựng dự thảo Nghị định mới về nghệ thuật biểu diễn là tiếp tục “hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” đồng thời đảm bảo giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đảm bảo an toàn, an ninh văn hóa.

Mục tiêu cụ thể của việc xây dựng dự thảo Nghị định này là:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về nghệ thuật biểu diễn trong thời kỳ mới, đảm bảo sự nghiệp “phát triển văn học, nghệ thuật đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân” được quy định tại khoản 2 Điều 60 Hiến pháp năm 2013.

- Quy định chi tiết điều kiện đầu tư, kinh doanh trên cơ sở Luật Đầu tư năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

- Kế thừa các chính sách, quy định còn phù hợp của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP và sửa đổi, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành thời gian qua.

- Thể chế nội dung giải pháp thực hiện chính sách đã được Chính phủ thông qua tại đề nghị xây dựng Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

- Phân cấp quản lý cho chính quyền địa phương đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn thống nhất, đạt hiệu quả.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Căn cứ ý kiến của Chính phủ về việc xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định; dự thảo Tờ trình, Nghị định và hoàn thiện các hồ sơ liên quan; tổ chức hội thảo lấy ý kiến; gửi văn bản lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nghệ sỹ sân khấu Việt Nam, Hội Nghệ sỹ Múa Việt Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp, đơn vị nghệ thuật trên toàn quốc và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (<http://www.chinhphu.vn>) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (<https://bvhttdl.gov.vn/>) trong thời gian 60 ngày để lấy ý kiến rộng rãi về dự thảo Nghị định.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện hồ sơ trình dự thảo Nghị định theo quy định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh lý dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 06 chương 44 điều, cụ thể là:

Chương I (từ Điều 1 đến Điều 7) quy định chung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nội dung quản lý nhà nước; điều kiện về nội dung nghệ thuật biểu diễn; quyền và trách nhiệm của các đối tượng tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn và thi người đẹp, người mẫu; việc sử dụng tên, chủ đề trong các hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Chương II (từ Điều 8 đến Điều 22) quy định về đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật, điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biểu diễn nghệ thuật; hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài; biện pháp tạm dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật; hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật của một số cơ quan, tổ chức, cá nhân và trực tuyến trên các hạ tầng cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực thông tin điện tử; tổ chức các cuộc thi và liên hoan biểu diễn nghệ thuật.

Chương III (từ Điều 23 đến Điều 32) quy định quy mô, số lượng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu; đối tượng tổ chức thi người đẹp, người mẫu; điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tổ chức thi người đẹp, người mẫu và điều kiện đối với thí sinh dự thi người đẹp trong nước và quốc tế.

Chương IV (từ Điều 33 đến Điều 39) quy định quản lý đối với hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật được phát hành trên thị trường theo hình thức nộp lưu chiểu, cụ thể: Đối tượng nộp lưu chiểu; thông tin trên bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật; thẩm quyền, trình tự và thủ tục nộp lưu chiểu và trách nhiệm của cơ quan nhận lưu chiểu; quản lý hoạt động lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; quy định về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam.

Chương V (từ Điều 40 đến Điều 42) quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương VI (từ Điều 43 đến Điều 44) quy định điều khoản thi hành Nghị định.

2. Nội dung cơ bản của Nghị định

Dự thảo Nghị định kế thừa, hoàn thiện các quy định đang còn phù hợp tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP, thể chế giải pháp thực hiện chính sách đã được Chính phủ thông qua và bổ sung những quy định mới phù hợp tình hình thực tế.

2.1. Giải pháp thực hiện chính sách 1 - Quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động, kinh doanh ngành, nghề biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu và lưu hành bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu

- Kế thừa các quy định còn phù hợp về quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động, kinh doanh ngành, nghề lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và sửa đổi, bổ sung các quy định mới nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khắc phục những bất cập trong quá trình thực thi còn tồn tại.

- Hoàn thiện, bổ sung các quy định về trách nhiệm để làm cơ sở ban hành quy định xử phạt hành vi vi phạm quy định pháp luật trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, từ đó nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đồng thời hướng đến việc cắt giảm thành phần, thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư, kinh doanh.

2.2. Giải pháp thực hiện chính sách 2 - Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang của tổ chức, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Về nội dung này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có đề xuất giải pháp quy định cấp phép trực tiếp cho cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, giấy phép có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc và có thời hạn sử dụng phù hợp với thời hạn thị thực do cơ quan có thẩm quyền cấp. Người biểu diễn chịu trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, đánh giá lại nội dung này còn một số vướng mắc chưa được giải quyết triệt để:

- Quy định cấp phép cho cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn bị một số doanh nghiệp, cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, phòng trà, nhà hàng lợi dụng nhằm né tránh nghĩa vụ thực hiện quy định pháp luật về lao động và pháp luật về nhập cảnh (nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ đăng ký cư trú, quản lý người lao động).

- Quy định cấp phép cho đối tượng tổ chức biểu diễn tổ chức biểu diễn cho cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài Việt Nam cũng gây ra những tranh chấp giữa người đại diện của cá nhân (bầu show) với doanh nghiệp được cấp giấy phép.

- Các hoạt động kiểm duyệt hành vi của người biểu diễn, thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu thực hiện theo quy định pháp luật về cư trú, nhập cảnh, xuất cảnh. Quy định cấp phép biểu diễn cho cá nhân có khả năng hạn chế quyền con người về văn hóa, quyền hưởng thụ giá trị văn hóa.

Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp mới như sau:

- Cắt giảm thủ tục cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Hoạt động biểu diễn của cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi tham gia hoạt động nghệ thuật tại Việt Nam phải tuân thủ quy định pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú, pháp luật về lao động. Quy định này nhằm hạn chế tranh chấp dân sự giữa người bảo lãnh nhập cảnh, người sử dụng lao động, người đại diện ủy quyền và các đối tượng được cấp giấy phép; hạn chế tình trạng lợi dụng giấy phép biểu diễn nghệ thuật để nhập cảnh, cư trú trái quy định pháp luật; tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật về lao động đối với người nước ngoài (giảm tình trạng lao động tự do, lao động trốn tránh nghĩa vụ thuế thu nhập...).

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách 3 - Quản lý hoạt động của cá nhân đại diện Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, dự thi người đẹp, người mẫu; trình diễn thời trang

- Kê thừa nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế của các cá nhân đại diện Việt Nam; phân cấp cơ quan có thẩm quyền ở địa phương quản lý đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động này.

- Không đặt ra quy định về điều kiện phải đạt danh hiệu chính tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước. Thí sinh dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế khi đủ năng lực hành vi dân sự; đáp ứng các tiêu chí của cuộc thi do ban tổ chức cuộc thi quy định; không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án, thời gian chấp hành kỷ luật dưới tất cả các hình thức và có giấy mời của ban tổ chức cuộc thi.

2.4. Giải pháp thực hiện chính sách 4 - Quản lý các tác phẩm âm nhạc, sân khấu

- Quy định điều kiện về nội dung chương trình, tiết mục biểu diễn nghệ thuật; bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật là cơ sở cắt giảm thủ tục cấp phép, phê duyệt, kiểm duyệt như hiện nay. Theo đó, tất cả các tác phẩm âm nhạc, sân khấu, các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác có nội dung chống

Nhà nước Việt Nam; xâm phạm lợi ích của dân tộc; bôi nhọ cá nhân, tổ chức; xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ không được lưu hành, sử dụng trong các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn, trình diễn trực tiếp trước công chúng, tại những nơi công cộng và dưới tất cả các hình thức khác nhau.

- Quy định lưu chiều bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật để thẩm định, kiểm tra, đối chiếu, chọn lọc và lưu giữ, tương tự hình thức kiểm soát xuất bản phẩm quy định tại Luật Xuất bản. Đây là hình thức hậu kiểm, Nhà nước bảo đảm quyền sản xuất, nhập khẩu, lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Các tổ chức, cá nhân không được lợi dụng quyền sản xuất, nhập khẩu, lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật, làm thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.5. Phân cấp quản lý và đơn giản hóa nội dung quản lý hoạt động tổ chức biểu diễn tại Việt Nam

- Quy định chi tiết điều kiện kinh doanh ngành, nghề “Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi người đẹp, người mẫu” và “Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu” và nội dung tại Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014 về điều kiện đầu tư, kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đảm bảo phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

- Phân cấp thẩm quyền quản lý cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi diễn ra các hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật, cụ thể là: Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn, không tiếp tục quy định giấy phép phê duyệt nội dung và quy định tiếp nhận thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật. Dự thảo Nghị định mới quy định đơn vị tổ chức phải đăng ký hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại địa phương nơi diễn ra các hoạt động và cơ quan có thẩm quyền tại địa phương kiểm tra, thanh tra hoạt động tổ chức biểu diễn theo phạm vi quản lý.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động nghệ thuật biểu diễn quản lý chủ thể tham gia, nội dung hoạt động nghệ thuật biểu diễn toàn quốc nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thống nhất thẩm quyền từ Trung ương đến địa phương, biện pháp quản lý được đảm bảo hiệu quả trong quá trình áp dụng.

2.6. Phân cấp quản lý và đơn giản hóa nội dung quản lý hoạt động tổ chức thi người đẹp, người mẫu tại Việt Nam

Dự thảo Nghị định quy định quản lý nội dung này theo hướng sau:

- Đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm để xem xét, quyết định nhưng mỗi năm không quá 02 cuộc.

- Đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu toàn quốc, người đẹp, người mẫu cấp tỉnh, vùng, ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức vòng Chung kết xem xét, quyết định nhưng mỗi năm không quá 01 cuộc tại địa phương.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chí, điều kiện xác định quy mô cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định các nội dung tại Tờ trình và hồ sơ kèm theo, gồm: Dự thảo nghị định; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo./.